



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 33 (14/08-18/08/23)

El Niño, La Niña và thị trường chứng khoán

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index tiếp tục hướng về 1,280 - 1,300 điểm với thanh khoản tăng trưởng*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *El Niño, La Niña và thị trường chứng khoán*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *Tuần thứ 2, VN-Index dừng lại trước SMA100 tuần tại 1,233 điểm*
5. TIN VĨ MÔ: *CPI tháng 7/2023 của Hoa Kỳ +3.2% YoY*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bất động sản +4.12%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index tiếp tục hướng về 1,280 - 1,300 điểm với thanh khoản tăng trưởng

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1232.21	0.51%
GTGD/phiên (tỷ VND)	20,503.63	-3.63%
Khối ngoại (tỷ VND)	79.19	
HNX-INDEX	245.25	1.17%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2034.54	6.51%
Khối ngoại (tỷ VND)	66.59	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4464.05	-0.11%	-0.31%	-0.92%
EU (EURO STOXX)	4321.33	-1.43%	-0.27%	-1.79%
China (SHCOMP)	3189.25	-2.01%	-3.01%	-1.50%
Japan (NIKKEI)	32473.65	0.84%	0.98%	1.66%
Korea (KOSPI)	2591.26	-0.40%	-0.44%	-1.41%
Singapore (STI)	3294.28	-0.86%	-0.30%	1.72%
Thailand (SET)	1535.16	0.11%	0.31%	2.95%
Phillipines (PCOMP)	6405.91	-0.68%	-0.70%	-3.30%
Malaysia (KLCI)	1457.16	-0.12%	0.83%	4.36%
Indonesia (JCI)	6879.98	-0.19%	0.40%	1.02%
Vietnam (VNIndex)	1232.21	0.95%	0.51%	5.46%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2312	1236.70	-0.33%	26,689	54,947
VN30F2305	1235.90	-0.39%	169	2,474
VN30F2306	1239.50	-0.10%	20	563
VN30F2309	1240.00	-0.06%	10	76

TTCK VIỆT NAM

Lực cầu bắt đáy tích cực, VN-Index duy trì tuần thứ 6 tăng điểm

Nỗ lực tăng điểm phiên cuối tuần giúp VN-Index duy trì tuần tăng điểm thứ 6 liên tiếp với mức tăng 0.5%. Sự phân hóa diễn ra rõ nét khi thị trường có số cổ phiếu và số ngành tăng và giảm tương đương nhau. Cổ phiếu VIC tiếp tục giữ vững đà tăng cho thị trường với mức tăng 16.7% và đóng góp 10 điểm tăng cho VN-Index. Ngành bất động sản và truyền thông tăng trên 3% trong khi Hóa chất, dịch vụ tài chính giảm trên 1.8%. Thanh khoản duy trì ổn định ở mức cao và lực cầu bắt đáy tốt ở vùng giá thấp vẫn đang là yếu tố hỗ trợ thị trường trong ngắn hạn. Chúng tôi kỳ vọng nhịp điều chỉnh đã đi qua và chỉ số có cơ hội hướng tới các vùng cao mới. Dù vậy, thị trường đang phân hóa mạnh và NGĐT cần lựa chọn cổ phiếu cẩn trọng cho chiến lược đầu tư trung hạn và tránh mua đuổi ngắn hạn. WB dự báo tăng trưởng Việt Nam ở mức 4.7% năm 2023 và tăng lần lượt 5.5% và 6.0% vào 2024 và 2025. Việt Nam đang gặp thách thức từ bên trong và bên ngoài. Nợ công và nợ bảo lãnh chỉ khoảng 36% GDP, cho thấy dư địa tài khoá còn dồi dào. Chính phủ hỗ trợ tổng cầu thông qua đầu tư công hiệu quả để thúc đẩy tăng trưởng nhưng không nên bỏ qua cải cách thể chế, cơ cấu lĩnh vực năng lượng và ngân hàng cho động lực tăng trưởng dài hạn. Dự báo tăng trưởng này giảm 1.5% so với dự báo của tổ chức này vào tháng 3/2023. Điểm tích cực là kinh tế Việt Nam ổn định và còn dư địa cho chính sách tài khóa tuy nhiên rủi ro khi nhu cầu thể giới giảm, huy động tài chính toàn cầu thu hẹp và nguy cơ dòng vốn chuyển dịch ra ngoài gây áp lực tỷ giá.

TTCK THẾ GIỚI

Lạm phát Hoa Kỳ chuyển biến tích cực mở kỳ vọng FED dừng tăng lãi suất

CPI Hoa Kỳ tăng 0.2% tháng 7 và tăng 3.2%yoy là thông tin tích cực giúp thị trường hồi phục sau những phiên giao dịch kém tích cực. Dù vậy, Các chỉ số CK Hoa Kỳ vẫn kết thúc tuần với mức giảm nhẹ 0.2%. Sau một tuần giảm mạnh, các thị trường chủ chốt Châu Âu và Châu Á đều tăng lại. Chỉ số EU600 tăng 1.4%, Nhật Bản tăng 1% trong khi thị trường Trung Quốc lại giảm trên 2% do các thông tin vĩ mô yếu kém. Chỉ số DXY tiếp tục tăng 0.45% trong tuần, thu hẹp mức giảm xuống còn 2.99% trong 12 tháng. Chỉ số hàng hóa tăng 0.6%, dẫn đầu là mức tăng 8.5% của gas. Ở chiều ngược lại, các kim loại quý tiếp tục giảm. Trong tuần tới, thị trường chờ đợi biên bản FOMC để có thêm thông tin dự đoán hành động FED trong kỳ họp tháng 9. JP Morgan nhận định Hoa Kỳ sẽ không suy thoái trong năm 2023 thay đổi quan điểm so với dự báo đầu năm. Hoa Kỳ sẽ tăng trưởng nhẹ trong 2023 và rủi ro xảy ra suy thoái năm 2024 khá thấp. Suy thoái không còn là nỗi lo nhưng vẫn có nguy cơ nếu FED chưa dừng lộ trình tăng lãi suất. Trái ngược với chuyển biến tích cực kinh tế Hoa Kỳ so nhận định đầu năm, Kinh tế Trung Quốc đón thông tin tiêu cực về xuất khẩu tháng 7 giảm 14.5% yoy và CPI giảm 0.3%yoy. Kim ngạch xuất khẩu giảm do sự chững lại của kinh tế Mỹ và các nền kinh tế khác thì nhu cầu nội địa yếu dẫn đến giảm phát. Điều này gây khó khăn cho nền kinh tế thứ 2 thế giới lấy lại đà tăng trưởng.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: El Niño, La Niña và Thị trường chứng khoán

Ngày 08/06/2023, các nhà khoa học thuộc Cơ quan Đại dương và Khí quyển quốc gia Hoa Kỳ cho biết hình thái khí hậu El Niño đã chính thức quay lại, sau 3 năm liên tiếp trải qua hình thái khí hậu La Niña. Vậy El Niño, La Niña là gì những hiện tượng thời tiết này có ảnh hưởng như thế nào và liệu có một mối liên hệ nào đó với thị trường chứng khoán hay không?

1. El Niño, La Niña và những tác động đến Việt Nam

1.1. Một số khái niệm*

- **El Niño** được dùng để chỉ hiện tượng nóng lên dị thường của lớp nước biển bề mặt ở khu vực xích đạo trung tâm và Đông Thái Bình Dương. Trong khi đó **La Niña** là hiện tượng lớp nước biển bề mặt ở khu vực nói trên lạnh đi dị thường, xảy ra với chu kỳ tương tự hoặc thưa hơn El Niño. **ENSO** (El Nino Southern Oscillation) là cụm từ dùng để chỉ 2 hiện tượng trên.

- **Chỉ số Ocean Nino Index (ONI):** Để theo dõi và xác định pha cụ thể, các nhà nghiên cứu thực hiện phân vùng NINO thành NINO1+2, NINO.3, NINO.4 và NINO3.4 - Khu vực mà các thay đổi nhiệt độ bề mặt là quan trọng cho việc dịch chuyển vùng mưa và cũng là cơ sở để xác định chỉ số Ocean Nino Index. Các bất thường nhiệt độ bề mặt biển (SST) của vùng NINO3.4 được tính trung bình trong ba tháng tính từ tháng hiện tại được gọi là chỉ số Nino Đại Dương (ONI).

1.2. Những ảnh hưởng các hiện tượng ENSO tại Việt Nam

Theo các chuyên gia và nhà nghiên cứu về môi trường và khí hậu đánh giá, thời gian xuất hiện trung bình của một hiện tượng El Niño là 11 tháng, đối với hiện tượng La Niña là 14 tháng và có những tác động trái ngược nhau đến thời tiết, lượng mưa... (Bảng 01).

Chi tiết về lượng mưa khác biệt giữa các vùng tại Việt Nam theo ghi nhận của Ngân hàng thế giới (WB) trong giai đoạn từ 1980 – 2015 khi El Niño và La Niña xuất hiện (Biểu đồ 01, Biểu đồ 02).

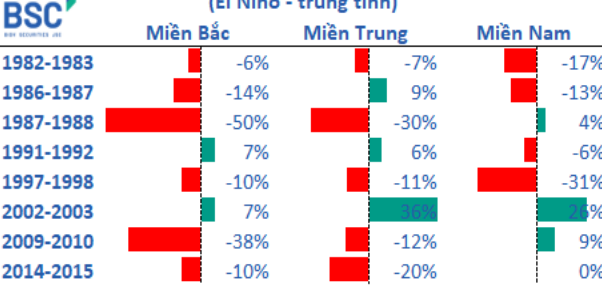
Theo báo cáo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB) về các tác động và ảnh hưởng của các hiện tượng ENSO đến hoạt động nông nghiệp của Việt Nam cho thấy giá cả một số mặt hàng nông nghiệp có xu hướng tăng trong pha mạnh El Niño và giảm trong pha mạnh La Niña và nhìn chung sự kiện La Niña mạnh dẫn đến tăng GDP, năng suất nông nghiệp, nhưng không đủ để bù đắp tổn thất trong những năm El Niño mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam (Bảng 02, Biểu đồ 03).

Bảng 01: Tổng hợp một số ảnh hưởng hiện tượng ENSO tại Việt Nam

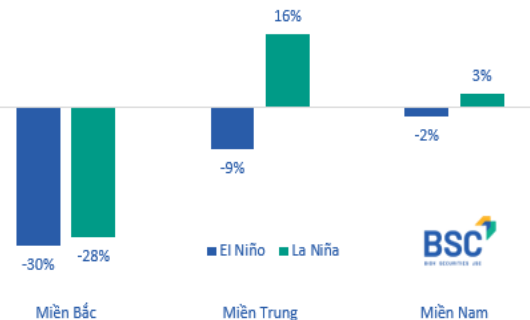
Một số ảnh hưởng	El Niño	La Niña
Nhiệt độ	Trung bình các tháng cao hơn bình thường	Trung bình các tháng thấp hơn bình thường
Lượng mưa	Gây thâm hụt lượng mưa	Gây lượng mưa vượt trung bình nhiều năm ở các tỉnh ven biển Trung Bộ, Tây Nam Bộ nhưng thâm hụt lượng mưa ở Bắc Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ
Bão và áp thấp nhiệt đới	Số cơn bão ít hơn và mùa bão kết thúc sớm hơn bình thường khoảng 27%	Số cơn bão trên Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta nhiều hơn bình thường khoảng 28%. Mùa bão trong những năm La Nina kết thúc muộn hơn bình thường
Độ mặn vùng ven biển, hải đảo	Làm tăng độ mặn	Làm giảm độ mặn
Dòng chảy sông ngòi	Giảm so với trung bình từ 10% trở lên, những năm El Nino mạnh có thể giảm tới 50-60%	Lớn hơn trung bình nhiều năm, một số năm ở một số sông ghi nhận lớn hơn tới 80-100%.
Sản lượng thủy điện	Làm giảm sản lượng thủy điện	Gia tăng sản lượng thủy điện
Sản xuất nông nghiệp	Năng suất lúa bình quân của vụ Đông Xuân giảm so với vụ trước đó, nhất là ở vùng trung du Bắc Bộ, trái lại năng suất lúa vụ mùa tăng, nhất là ở vùng Bắc Trung Bộ	Năng suất lúa bình quân vụ Đông Xuân và vụ mùa đều tăng so với vụ trước đó, trong đó vụ Đông Xuân rõ nhất ở đồng bằng Bắc Bộ, vụ mùa rõ nhất ở đồng bằng sông Cửu Long

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

Biểu đồ 01: Sự khác biệt về lượng mưa trung bình theo từng năm (El Niño - trung tính)



Biểu đồ 02: Sự khác biệt về lượng mưa từ 1980 - 2015



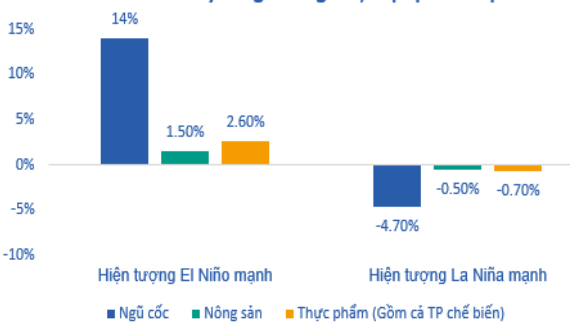
Nguồn: WB, BSC Research

Bảng 02: Thay đổi GDP trong các sự kiện ENSO với các cường độ khác nhau

	El Niño		La Niña	
	Trung bình	Mạnh	Trung bình	Mạnh
Tỷ lệ thay đổi GDP (%)				
GDP	-0.59	-1.5	0.12	0.64
GDP thực phẩm nông nghiệp	-4.14	-9.9	0.85	3.57
GDP nông nghiệp	-4.88	-11.76	1.03	4.35
Thay đổi GDP tuyệt đối (tỷ USD)				
GDP	-1	2.52	0.2	1.07
GDP thực phẩm nông nghiệp	-1.93	-4.61	0.4	1.66
GDP nông nghiệp	-1.44	-3.47	0.3	1.28

Nguồn: Kết quả mô phỏng từ mô hình CGE Việt Nam

Biểu đồ 03: Thay đổi giá nông sản, thực phẩm thực tế



Nguồn: WB, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: El Niño, La Niña và Thị trường chứng khoán

2. El Niño, La Niña và thị trường chứng khoán

Theo số liệu tổng hợp của các nhà quan sát, kể từ năm 1950 – nay thế giới đã trải qua 03 đợt pha mạnh La Niña và 03 đợt rất mạnh của hiện tượng El Niño. Theo dự báo, 2023-2024 sẽ là giai đoạn chứng kiến pha mạnh đến rất mạnh của hiện tượng El Niño sau khi đã trải qua giai đoạn La Niña kéo dài trước đó (Bảng 03).

Xét trong phạm vi thời gian từ năm 1980 – nay: một số thời điểm khi chỉ số Ocean Nino Index (ONI) tiến vào vùng mạnh – rất mạnh (trên 1.5oC - pha mạnh của El Niño) và vùng trung bình – mạnh (dưới - 1.0 oC - pha La Niña) đều khá trùng lặp với một số sự kiện đáng chú ý, ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới cũng như thị trường tài chính - chứng khoán, chi tiết theo Biểu đồ 04. Hiện nay theo số liệu đến hết tháng 06/2023 của Bloomberg, chỉ số ONI đang tiến vào vùng trung bình và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong giai đoạn còn lại của năm 2023 (Biểu đồ 04).

Nhận xét: Trong giai đoạn 1980 – nay, thời điểm xảy ra các pha mạnh của ENSO có sự trùng lặp vào một số thời điểm diễn ra các sự kiện đáng chú ý trên thế giới có tác động, ảnh hưởng đến diễn biến kinh tế, tài chính, tuy nhiên đây chỉ là sự trùng lặp ngẫu nhiên và không có tính chất quyết định. Giai đoạn 1982-1983 và 1988-1989 không có các sự kiện, diễn biến quá tiêu cực xuất hiện. Trong diễn biến của các nhóm ngành khi ONI bắt đầu tiến vào pha mạnh trong hiện tượng El Niño, hầu hết các nhóm ngành đều có diễn biến tiêu cực – phần lớn bị tác động và chịu ảnh hưởng của sự kiện là chủ yếu – sau đó đều hồi phục trở lại sau khi hiện tượng này yếu đi. Trong giai đoạn 2015 – 2016, trên TTCK Việt Nam, các nhóm ngành có hiệu suất tốt nhất khi hiện tượng El Niño yếu dần đi bao gồm: Viễn thông, Công nghiệp, Hàng tiêu dùng, Vật liệu cơ bản (Bảng 04).

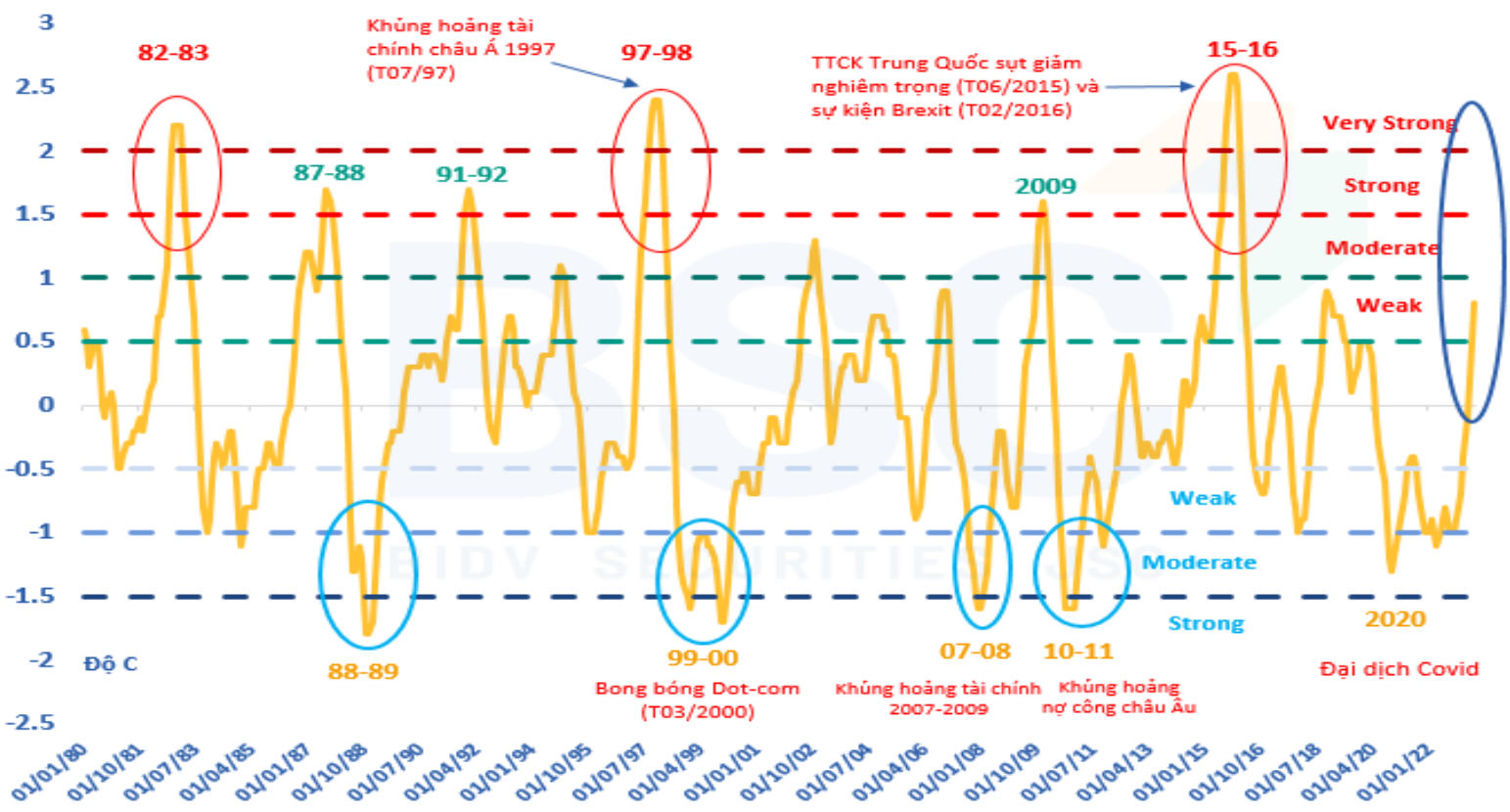
Bảng 03: Tổng hợp các pha ENSO kể từ năm 1950 - nay

El Niño				La Niña		
Yếu	Trung bình	Mạnh	Rất mạnh	Yếu	Trung bình	Mạnh
1951-52	1963-64	1957-58	1982-83	1950-51	1955-56	1973-74
1952-53	1986-87	1965-66	1997-98	1954-55	1970-71	1975-76
1953-54	1987-88	1972-73	2015	1964-65	1998-96	1988-89
1958-59	1991-92	2023-24*		1967-68	1999-00	
1968-69	2002-03			1971-72	2007-08	
1969-70	2009-10			1974-75	2010-11	
1976-77				1983-84	2020	
1977-78				1984-85		
1979-80				1995-96		
1994-95				2000-01		
2004-05				2011-12		
2006-07						

*Dự báo

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

Biểu đồ 04: Diễn biến chỉ số ONI và một số sự kiện đáng chú ý từ 1980 - nay



CHUYÊN MỤC TUẦN: *El Niño, La Niña và Thị trường chứng khoán*

Bảng 04: Diễn biến một số nhóm ngành trong pha mạnh El Niño trên TTCK Hoa Kỳ và Việt Nam giai đoạn 1997-1998 và 2015-2016

Strong + Very Strong (1.5-2.0°C)																																	
Giai đoạn 2: 25/06/1997 - 01/04/1998																Giai đoạn 3: 15/04/2015 - 20/04/2016																	
	25/06/97	17/07/97	8/08/97	29/08/97	3/09/97	25/09/97	17/10/97	7/11/97	28/11/97	22/12/97	13/01/98	4/02/98	26/02/98	20/03/98	1/04/98	15/04/15	7/05/15	29/05/15	22/06/15	13/07/15	3/08/15	25/08/15	16/09/15	8/10/15	30/10/15	20/11/15	11/12/15	4/01/16	26/01/16	17/02/16	10/03/16	1/04/16	20/04/16
S&P500	0.0%	4.8%	5.0%	1.2%	4.4%	5.5%	6.2%	4.3%	7.5%	7.3%	7.1%	13.3%	18.0%	23.6%	24.7%	0.0%	-0.9%	0.0%	0.8%	-0.3%	-0.4%	-11.3%	-5.3%	-4.4%	-1.3%	-0.8%	-4.5%	-4.5%	-9.6%	-8.5%	-5.6%	-1.6%	-0.2%
CNTT	0.0%	15.6%	18.7%	13.3%	16.4%	16.6%	12.0%	6.9%	8.8%	0.3%	3.4%	16.4%	22.9%	17.1%	24.8%	0.0%	0.4%	2.8%	2.0%	-0.2%	0.7%	-11.1%	-2.6%	-1.5%	4.3%	5.7%	2.2%	0.9%	-4.9%	-4.4%	-1.2%	5.6%	4.8%
Y tế	0.0%	1.8%	-2.4%	-7.1%	-4.5%	-3.2%	-0.2%	1.1%	3.2%	5.6%	7.3%	15.6%	20.8%	26.3%	26.0%	0.0%	-2.3%	1.2%	3.2%	2.6%	3.5%	-8.4%	-3.4%	-7.9%	-3.5%	-3.5%	-5.2%	-4.4%	-8.4%	-10.3%	-9.3%	-7.1%	-3.6%
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	0.0%	2.7%	6.1%	3.7%	7.1%	7.7%	8.6%	9.1%	11.2%	10.6%	11.6%	19.0%	26.5%	33.8%	35.4%	0.0%	-0.6%	0.0%	2.3%	3.4%	4.9%	-6.9%	0.4%	1.8%	6.2%	6.5%	2.1%	0.9%	-3.5%	-4.2%	-0.4%	4.5%	4.9%
Công nghiệp	0.0%	5.8%	4.2%	-0.5%	3.6%	2.9%	3.5%	-1.4%	3.1%	2.1%	2.3%	7.3%	11.1%	16.5%	17.8%	0.0%	-1.4%	-1.8%	-1.0%	-3.3%	-4.7%	-13.8%	-7.4%	-5.5%	-3.5%	-1.6%	-6.3%	-6.4%	-12.5%	-8.3%	-5.4%	-0.8%	0.5%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.0%	3.3%	0.3%	-5.4%	-2.4%	-1.7%	-1.1%	-1.1%	4.1%	6.2%	8.0%	7.8%	11.7%	18.4%	19.0%	0.0%	-1.4%	-1.3%	-0.9%	0.6%	1.9%	-7.7%	-3.3%	0.0%	1.0%	-0.7%	-0.4%	0.9%	-0.3%	3.0%	5.5%	8.6%	6.2%
Năng lượng	0.0%	5.3%	5.2%	4.3%	8.5%	9.5%	10.3%	7.9%	5.8%	2.7%	-0.5%	2.9%	4.9%	11.4%	12.8%	0.0%	-2.6%	-5.4%	-6.8%	-10.4%	-17.6%	-28.5%	-21.4%	-15.6%	-16.9%	-18.9%	-26.7%	-25.9%	-31.6%	-28.5%	-25.2%	-24.5%	-18.0%
Tài chính	0.0%	2.5%	3.8%	1.2%	4.7%	7.7%	10.8%	8.9%	10.9%	14.3%	10.1%	16.7%	23.2%	32.7%	30.1%	0.0%	-0.2%	0.4%	2.9%	1.9%	3.0%	-9.1%	-4.0%	-4.3%	-1.6%	0.7%	-4.3%	-4.2%	-13.2%	-13.7%	-10.5%	-7.0%	-3.5%
Nguyên vật liệu	0.0%	6.4%	8.0%	3.3%	5.0%	3.9%	1.4%	-4.3%	-4.1%	-8.6%	-11.5%	-2.5%	-1.0%	4.7%	4.7%	0.0%	1.0%	0.5%	0.5%	-4.0%	-9.2%	-19.2%	-14.2%	-12.0%	-9.7%	-9.4%	-12.6%	-14.6%	-24.1%	-17.4%	-13.2%	-9.9%	-6.0%
Tiện ích	0.0%	2.0%	0.5%	0.6%	2.8%	4.5%	5.6%	4.6%	12.4%	18.0%	17.6%	15.6%	18.7%	26.1%	25.7%	0.0%	-1.9%	-0.7%	-4.0%	-3.5%	-0.8%	-6.2%	-5.9%	-1.3%	-1.8%	-3.2%	-7.0%	-3.0%	-1.7%	2.3%	7.2%	11.8%	7.6%
Bất động sản																0.0%	-3.2%	-3.7%	-5.3%	-4.9%	-2.7%	-10.8%	-7.4%	-2.5%	-0.4%	-1.0%	-3.4%	-0.9%	-3.5%	-8.9%	-2.4%	4.1%	2.6%
Dịch vụ truyền thông	0.0%	-2.9%	1.6%	-3.1%	-0.6%	4.6%	9.0%	9.7%	23.1%	29.1%	28.8%	34.0%	34.3%	48.3%	47.3%	0.0%	0.6%	1.4%	0.0%	-1.1%	-1.9%	-10.0%	-5.7%	-6.7%	-3.6%	-5.0%	-6.5%	-3.8%	-0.7%	3.6%	8.3%	11.1%	8.8%
VNI																0.0%	-2.0%	0.9%	5.2%	12.3%	8.0%	-6.1%	-0.1%	3.9%	7.6%	7.1%	-0.2%	1.8%	-4.7%	-3.1%	2.0%	-1.1%	0.6%
Dầu khí																0.0%	6.6%	1.6%	9.8%	15.1%	2.9%	-23.5%	-13.2%	-6.3%	-7.9%	-15.1%	-26.6%	-31.6%	-43.5%	-41.5%	-31.3%	-38.3%	-39.0%
Nguyên vật liệu																0.0%	-2.9%	-3.0%	-1.2%	0.5%	2.2%	-2.0%	0.0%	3.6%	3.8%	3.3%	1.4%	2.2%	-4.7%	-4.0%	-0.7%	10.0%	12.6%
Công nghiệp																0.0%	-3.0%	-0.8%	2.5%	4.2%	5.1%	-2.8%	0.7%	9.0%	16.0%	17.7%	15.3%	16.3%	12.4%	14.4%	20.1%	21.6%	20.7%
Hàng hóa tiêu dùng																0.0%	-1.3%	-0.1%	2.8%	8.0%	8.4%	2.2%	5.0%	8.0%	16.9%	22.5%	18.2%	21.4%	10.9%	15.6%	18.1%	18.4%	18.6%
Y tế																0.0%	-0.9%	-1.7%	-9.6%	-11.9%	-13.3%	-21.0%	-20.3%	-18.0%	-16.8%	-17.2%	-20.8%	-18.6%	-21.9%	-9.9%	0.2%	0.6%	3.0%
Dịch vụ tiêu dùng																0.0%	-2.6%	-8.1%	-17.5%	-19.3%	-19.4%	-28.1%	-28.6%	-23.1%	-15.0%	-13.8%	-14.1%	-12.3%	-14.8%	-12.2%	-5.8%	-1.8%	3.5%
Viễn thông																0.0%	0.0%	0.0%	9.1%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	40.0%	40.0%	40.0%	40.0%	40.0%	40.0%	40.0%	40.0%	60.0%	60.0%
Tiện ích																0.0%	-4.8%	-4.7%	-3.2%	-3.3%	-9.6%	-33.7%	-25.6%	-21.6%	-21.7%	-25.6%	-31.6%	-33.9%	-35.2%	-30.7%	-19.8%	-24.2%	-19.6%
Tài chính																0.0%	-3.4%	-1.2%	3.9%	15.6%	7.7%	-1.7%	2.7%	9.5%	14.9%	12.6%	3.5%	8.9%	4.9%	4.4%	10.7%	6.5%	10.0%
Ngân hàng																0.0%	-0.7%	11.2%	21.4%	35.4%	27.2%	7.2%	23.9%	25.5%	26.0%	22.5%	10.2%	13.0%	3.9%	2.4%	6.8%	2.1%	2.3%
CNTT																0.0%	-0.3%	0.3%	1.1%	3.4%	3.1%	-3.7%	-0.8%	3.8%	11.8%	13.7%	8.5%	8.8%	5.5%	8.6%	10.6%	8.7%	8.6%

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: *El Niño, La Niña và Thị trường chứng khoán*

3. Một số nhận xét

- **Thứ nhất:** Hiện tượng El Niño, La Niña nhìn chung đều có những tác động, ảnh hưởng nhất định đến thời tiết, khí hậu và môi trường tại Việt Nam cũng như trên thế giới. Xét trên góc độ kinh tế, trong khi La Niña có phần tích cực trong việc làm gia tăng GDP, sản xuất tại lĩnh vực nông nghiệp thì El Niño lại gây ra thiệt hại, tổn thất đáng kể.
- **Thứ hai:** Những thời điểm El Niño, La Niña bước vào pha mạnh không phải là điều kiện để xảy ra các sự kiện tài chính tiêu cực - điều này phụ thuộc vào bản chất của bối cảnh kinh tế, địa chính trị trên thế giới - tuy nhiên đây cũng là một yếu tố mang tính chất tham khảo khi các hiện tượng này trở nên mạnh mẽ hơn, đặc biệt 2023-2024 được các chuyên gia dự báo có thể sẽ là giai đoạn “siêu El Niño”.
- **Thứ ba:** Tác động về giá cả hàng hóa là tương đối rõ nét, cụ thể giá cả một số mặt hàng nông nghiệp, ngũ cốc, thực phẩm có xu hướng tăng trong pha mạnh El Niño và giảm khi La Nina mạnh xuất hiện. Hiện nay, giá gạo đang có xu hướng tăng và phá đỉnh 15 năm trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu bị đe dọa bên cạnh hiện tượng thời tiết El Niño bắt đầu cực đoan hơn ở một số quốc gia, khu vực.
- **Thứ tư:** Trên cơ sở diễn biến tình hình El Niño hiện tại và nghiên cứu của nhóm nghiên cứu, BSC khuyến nghị một số nhóm ngành có thể chịu ảnh hưởng, tác động trong diễn biến El Niño như sau:

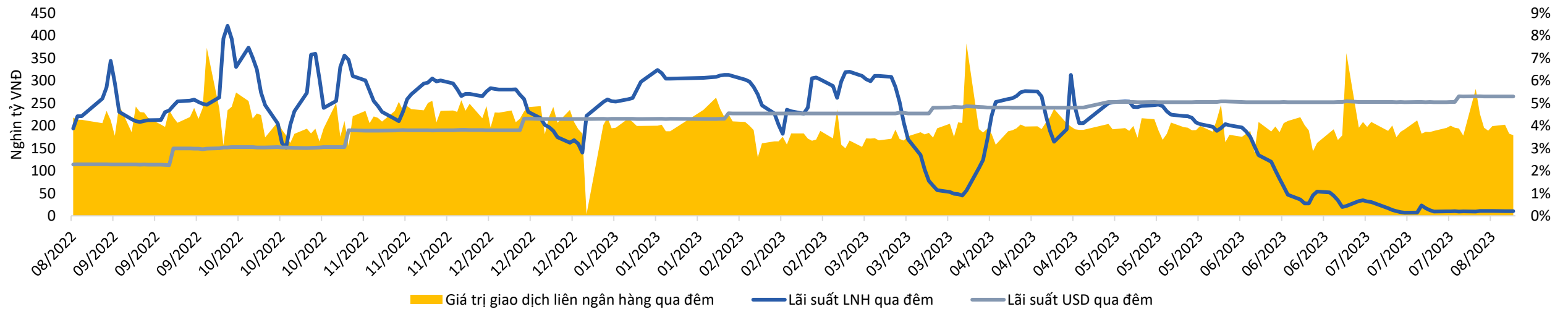
Bảng 05: Một số nhóm ngành lưu ý trong diễn biến El Niño

Nhóm ngành	Khuyến nghị	Tác động
Lương thực + Gạo (PAN, LTG...) + Đường (QNSS, SBT, LSS...)	Trung lập	+ Tác động tích cực: xu hướng tích trữ lương thực làm giá thế giới tăng. + Tác động tiêu cực: làm giảm năng suất và sản lượng sản xuất của nhóm ngành này do thiếu nước tưới và rủi ro diễn biến phức tạp của hạn mặn tại khu vực ĐBSCL
Thủy sản + Cá tra (VHC, ANV, IDI,...) + Tôm (MPC,...)	Tích cực	+ Tác động tích cực: El Niño thường dẫn đến giảm lượng thủy hải sản khai thác được ở các khu vực Nam Mỹ, Hoa Kỳ, Ấn Độ do bị thay đổi môi trường sống => Thu hẹp nguồn cung thủy hải sản thế giới giảm. => BSC đánh giá tác động tích cực đến giá và sản lượng xuất khẩu của nhóm thủy sản
Chăn nuôi + Heo (DBC, BAF, HAG, ...)	Tích cực	Tác động tiêu cực tới ngành chăn nuôi chung, hỗ trợ xu hướng tăng của giá heo hơi + Thời tiết thay đổi là điều kiện dịch bệnh bùng phát như dịch tả lợn Châu Phi, nên có thể gây áp lực lên nguồn cung heo hơi vốn đã suy giảm do nông hộ giảm tái đàn do thua lỗ + Giá thức ăn chăn nuôi có thể neo ở mức cao, thậm chí là tăng do nguyên liệu đầu vào như ngô, đậu tương,...đối mặt với rủi ro sản lượng suy giảm do thời tiết cực đoan => BSC đánh giá đây là rủi ro với ngành nhưng cũng là cơ hội cho nhóm doanh nghiệp sở hữu chuỗi 3F và hưởng lợi từ giá heo hơi tăng như DBC, BAF...

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.21%	0.44%	0.65%	1.79%	3.86%	6.21%	7.78%
So với tuần trước	0.00%	-0.03%	-0.04%	0.28%	-0.71%	-0.04%	0.05%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	187,961.67	11,908	7,316	4,215	2,132	190	23
So với tuần trước	-13.99%	-16.48%	-2.57%	153.31%	170.79%	-6.38%	33.72%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 09/08/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 32, bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm không đổi.
- Hoạt động mua giấy tờ có giá cũng như phát hành tín phiếu của SBV đã kết thúc.

PTKT VN-INDEX: Tuần thứ 2, VN-Index dừng lại trước SMA100 tuần tại 1,233 điểm

Đồ thị ngày: VN-Index có phiên mở gap giá ngay phiên đầu tuần. Tuy nhiên dấu hiệu phân kỳ âm giữa giá và RSI cùng với áp lực chốt lãi và diễn biến kém tích cực thị trường thế giới kéo chỉ số về lấp gap. 1 cây nến doji bóng nến rộng khi gặp cản SMA100 đồ thị tuần cho thấy trạng thái giằng co trong ngắn hạn. Chỉ số RSI rơi khỏi vùng bán quá và MACD cắt từ trên xuống chưa cảnh báo cho sự suy yếu và chỉ rõ ràng khi các tín hiệu này không thể hồi phục trong tuần tới.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 78 xuống 68 điểm.
 - MACD cắt từ trên xuống và giữ khoảng cách an toàn với mức 0.
- Thanh khoản giảm nhẹ gần 1% so tuần trước.
- VN-Index tích lũy tại trước SMA 100 và tiếp tục bám dải bollingerband trên của đồ thị tuần.

Kết luận: VN-Index đang có dấu hiệu tích lũy lại dưới SMA100 tại 1,233 điểm với thanh khoản duy trì ở mức cao. Chỉ số đóng gap giá trong tuần tuy nhiên lực cầu bắt đáy ở vùng giá thấp vẫn đang mạnh và thanh khoản tốt hỗ trợ cho chỉ số tích lũy trở lại. Sau những phiên tích lũy dưới SMA100 tuần, VN-Index cần có thêm 1 cây nến chỉ hướng để tiếp tục hướng về 1,280 – 1,300 điểm hoàn thành bước sóng 3 của chu kỳ tăng giá tính từ tháng 11/2022.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: CPI tháng 7/2023 của Hoa Kỳ +3.2% YoY

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU VĨ MÔ THÁNG 8/2023:



VIỆT NAM:

- Thủ tướng: Chỉ đạo tiếp tục quyết liệt tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản.
- Bộ Tài chính: 7T2023, thoái vốn tại 11 đơn vị chỉ đạt 62.3 tỷ đồng, thu về 225.3 tỷ đồng, bằng 7.5% dự toán cả năm. Từ đầu năm 2022 đến nay, cả nước chỉ ghi nhận 1 doanh nghiệp cổ phần hoá.
- Bộ Tài chính: 07T2023, cả nước chỉ có 36 doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ với khối lượng 62.3 nghìn tỷ đồng, -77.8% YoY. Dư nợ khoảng 1.03 triệu tỷ đồng.
- Cục thuế TP HCM: 6T2023, số thuế TNDN thu được là 50,915 tỷ đồng, đạt 61.4% dự toán, tăng 24% YoY.
- VBMA: 7T2023, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 78,988 tỷ đồng. Giá trị đáo hạn TPDN 5 tháng cuối năm là 132,637 tỷ đồng.
- 07T2023, tổng khối lượng TPDN mua lại trước hạn đạt 135,300 tỷ đồng, tăng 56.3%YoY.
- World Bank: Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam +4.7% trong năm 2023, và phục hồi dần lên 5.5% vào năm 2024 và 6% vào năm 2025.
- World Bank: Dự báo năm 2023, nợ công Việt Nam ở mức 36% GDP trước khi giảm xuống khoảng 34.4% vào năm 2025.
- MSCI Frontier Market Index: Trong đợt review tháng 08/2023, hơn 100 mã cổ phiếu được thêm mới, bao gồm 32 mã cổ phiếu Việt Nam.
- TP.HCM: Thành ủy thống nhất chủ trương đề án “siêu” cảng Cần Giờ hơn 5 tỷ USD, được đánh giá có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế biển, du lịch biển, đô thị ven biển.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: CPI tháng 7/2023 +3.2% YoY (dự báo: +3.3% YoY, trước đó: +3.0% YoY). CPI lõi +0.2% MoM (dự báo: +0.2% MoM).
- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Hoa Kỳ tuần kết thúc ngày 5/8/2023 là 248 nghìn (trước đó: 227 nghìn).
- Hoa Kỳ: Số đơn đăng ký vay MBA mua nhà trong tuần kết thúc ngày 4/8/2023 -3.1% (trước đó: -3%).
- Trung Quốc: CPI tháng 7/2023 -0.3% YoY, giảm nhẹ hơn dự kiến -0.4% YoY (trước đó: -0.3% YoY).
- Trung Quốc: PPI tháng 7/2023 -4.4% YoY, giảm mạnh hơn dự kiến -4% (trước đó: -5.4%).
- Hoa Kỳ: Doanh số bán buôn tháng 6/2023 -0.7% MoM (dự kiến: +0.1% MoM), giảm từ mức -0.5% MoM của tháng trước.
- Hoa Kỳ: Cán cân thương mại tháng 6/2023 thâm hụt 65.5 tỷ USD (dự kiến: thâm hụt 65 tỷ USD), trước đó thâm hụt 69 tỷ USD.
- Hoa Kỳ: Moody’s hạ bậc xếp hạng tín nhiệm đối với 10 ngân hàng vừa và nhỏ tại Hoa Kỳ.
- Trung Quốc: Tháng 7/2023, xuất nhập khẩu lần lượt giảm -14.5% YoY (dự kiến: -12.5% YoY) và -12.4% YoY (dự kiến: -5.0% YoY).

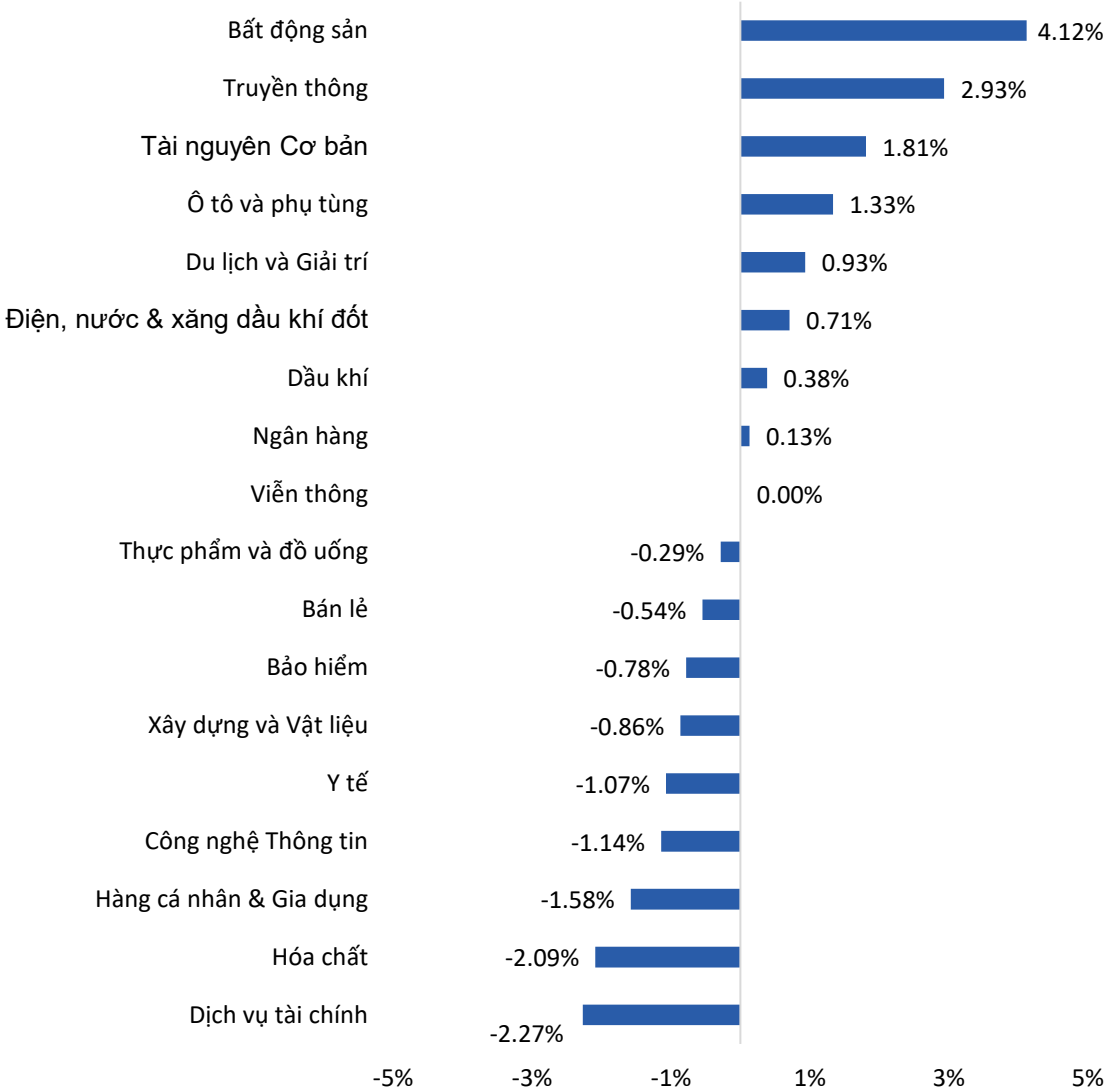
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các cổ phiếu trụ hỗ trợ chỉ số, cơ hội cho dòng tiền luân chuyển;
- 14/8, FDI Trung Quốc. 15/8, GDP Nhật Bản; Biên bản chính sách tiền tệ Australia; Chỉ số sản xuất công nghiệp, doanh thu bán lẻ và tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; CPI Canada; Doanh thu bán lẻ Trung Quốc. 16/8, CPI Anh; Chỉ số sản xuất công nghiệp, dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 17/8, Biên bản FOMC; đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 18/8, Doanh thu bán lẻ Anh; CPI lần cuối Châu Âu.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Bất động sản	2.74%	4.12%	20.87%	VHM	-3.33%		
Truyền thông	0.61%	2.93%	-1.69%	YEG	-0.37%	FOC	-3.34%
Tài nguyên Cơ bản	1.46%	1.81%	3.06%	HPG	1.28%	HSG	5.03%
Ô tô và phụ tùng	0.34%	1.33%	5.17%	VEA	-2.95%	0	0.00%
Du lịch và Giải trí	-0.35%	0.93%	4.89%	HVN	3.10%	VJC	0.10%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	83.19	0.45%	0.45%	10.13%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	86.81	0.47%	0.66%	8.80%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	296.49	2.07%	6.53%	14.32%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,913.76	0.07%	-1.50%	-2.23%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	22.69	-0.08%	-4.01%	-5.96%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,307.50	-0.82%	-1.93%	-1.53%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	653.75	-1.51%	-0.98%	0.23%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.98	2.10%	2.86%	14.09%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	196.50	0.31%	-0.71%	-5.12%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	24.33	1.59%	2.70%	1.76%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	157.70	-1.22%	-2.02%	0.80%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,294.50	-1.09%	-3.25%	-2.41%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,672.00	-0.43%	-1.32%	-0.57%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,175.50	-1.29%	-2.55%	-2.71%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	728.00	0.55%	1.39%	-1.09%		HPG
Than đá	USD/MT	151.50	1.68%	7.83%	17.21%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	541.53	-0.73%	-2.05%	2.15%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VIC	16.72%	10.15
STB	10.02%	1.40
CTG	3.55%	1.36
VRE	7.14%	1.22
SSB	4.83%	0.88
LPB	7.83%	0.60
GAS	1.20%	0.59
NVL	5.56%	0.55
HPG	1.28%	0.52
OCB	6.74%	0.44
Tổng		17.70

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-3.33%	-2.34
BID	-3.51%	-2.20
ACB	-6.15%	-1.49
BCM	-4.02%	-0.82
GVR	-3.65%	-0.82
MSN	-2.09%	-0.65
FPT	-1.56%	-0.42
SSI	-3.60%	-0.40
VPB	-0.90%	-0.34
VIB	-2.14%	-0.29
Tổng		-9.77

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
SGB	1,127.56	
HPG	293.01	26.16
VIC	271.00	12.99
VNM	215.53	54.34
MSN	196.55	30.56
CTG	189.40	27.19
STB	167.75	24.14
MWG	150.34	48.97
SGN	98.34	9.87
SHS	58.22	11.51
Tổng	2,767.69	

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
SSI	-276.43	
GMD	-246.74	47.19
VRE	-148.12	32.16
VHM	-144.54	24.27
VPB	-144.07	16.66
FUEVFN	-112.83	
VCB	-110.21	23.48
VND	-101.62	23.53
NLG	-97.69	41.38
VEA	-97.25	4.18
Tổng	-1479.50	

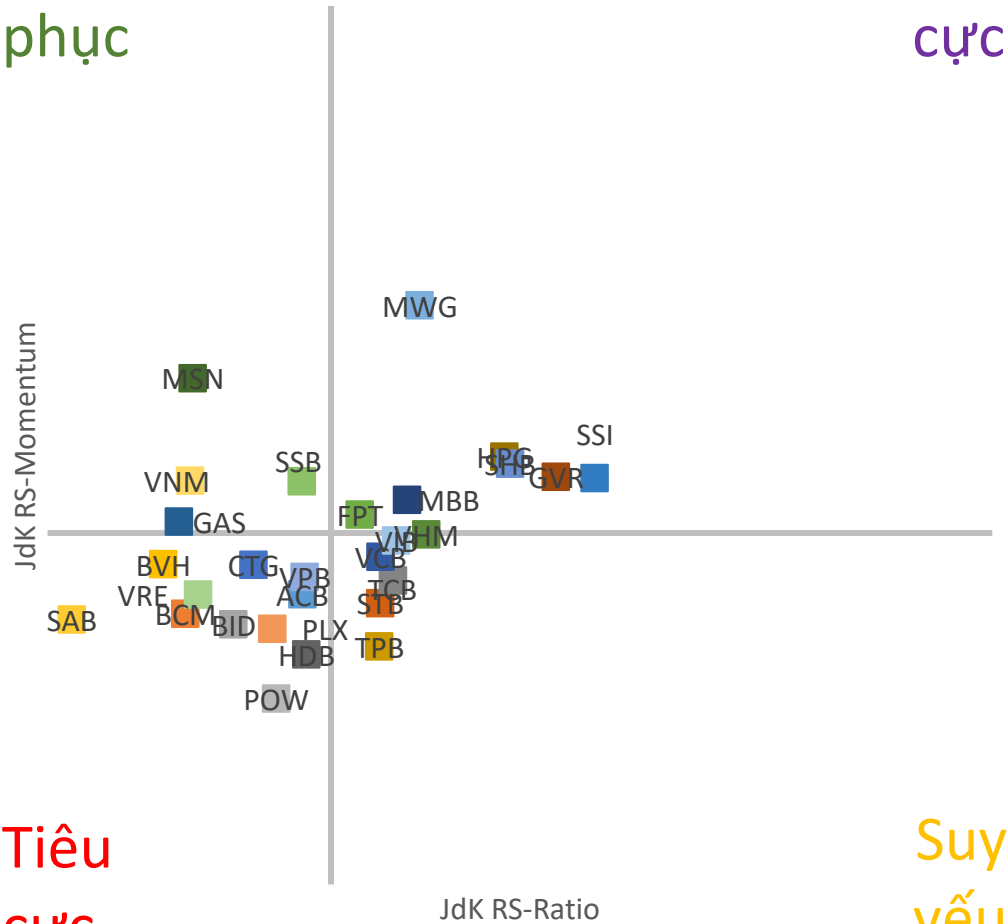
Vận động cổ phiếu VN30

FPT	101.5346	100.5169	15.21%
GVR	111.9162	101.5902	15.93%
HPG	109.1832	102.1674	27.06%
MBB	104.0385	100.9338	19.48%
MWG	104.7019	106.4727	39.05%
SHB	109.4904	101.9659	30.61%
SSI	113.9677	101.5521	27.77%
GAS	91.96146	100.3166	8.21%
MSN	92.69484	104.3994	18.02%
SSB	98.46158	101.4638	21.06%
VIC	95.47974	101.5934	37.76%
VNM	92.56122	101.4796	13.18%
STB	102.6218	97.99738	14.36%
TCB	103.3024	98.6376	13.49%
TPB	102.5673	96.76946	6.83%
VCB	102.6307	99.31661	14.67%
VHM	105.0503	99.95227	12.57%
VIB	103.4642	99.7825	15.77%
ACB	98.49602	98.24899	9.00%
BCM	92.30737	97.69494	-4.76%
BID	94.83988	97.3958	6.38%
BVH	91.1331	99.10308	6.26%
CTG	95.90334	99.08939	14.64%
HDB	98.70359	96.53497	4.30%
PLX	96.90674	97.27094	7.26%
POW	97.10745	95.28149	1.11%
SAB	86.28837	97.52822	3.68%
VJC	90.69916	98.98505	2.43%
VPB	98.61978	98.73959	13.99%
VRE	92.97306	98.23797	9.82%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(1,035.5)	(1,036.1)	(592.3)	(4,037.4)
Indonesia	-1073.6	-781.5	-599.9	490.3
Philippines	-16.3	-46.6	287	-180.3
Malaysia	79	45.9	359.1	-570.2
Thái Lan	-3.4	-235.1	-596.6	-3703.4
Việt Nam	-21.2	-18.8	-41.9	-73.8
Các nước khác	(609.1)	(1,221.9)	558.6	30,918.1
Hàn Quốc	28.7	-721.6	-94.1	7850.2
Đài Loan	-1271.4	-996.4	-3989.9	7257.4
Ấn Độ	632.8	488.2	4627.7	15793.7
Sri Lanka	0.80	7.90	14.90	16.80

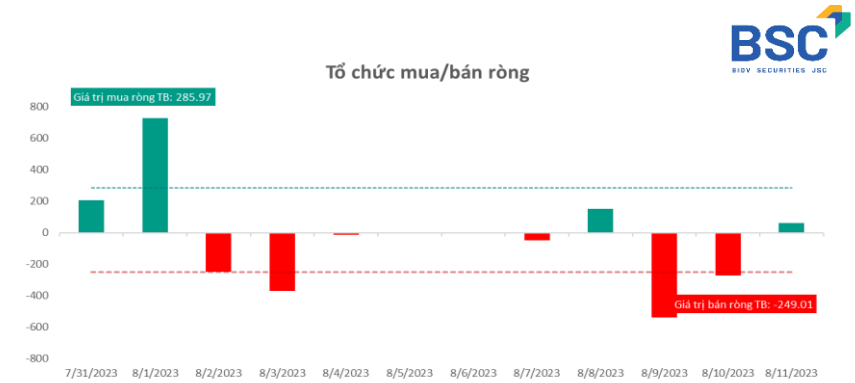
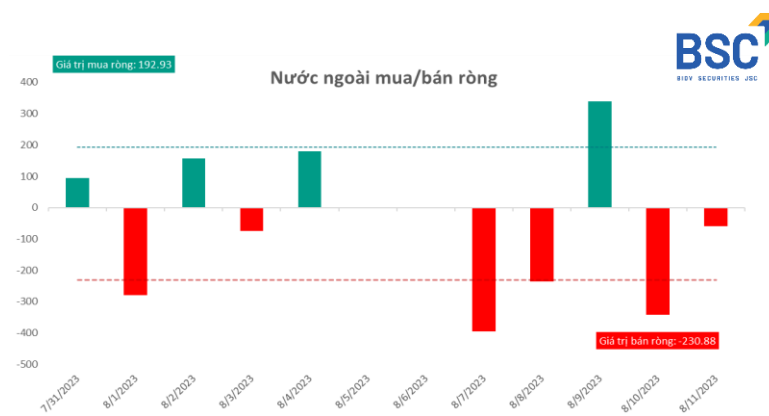
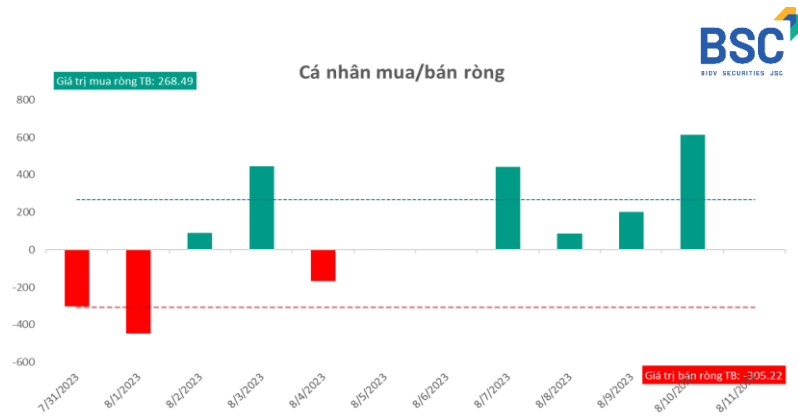


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Mar-23					Apr-23					May-23					Jun-23					Jul-23					Aug-23			
	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27	W28	W29	W30	W31	W32	Tổng			
	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	(7.95)	(19.42)	(8.05)	7.58	0.67	4.05	(8.50)	245.68			
ETF ngoại	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	1.82	(17.69)	(4.78)	7.01	2.28	(4.24)	(8.34)	242.63			
Fubon	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	(0.20)	(0.79)	(2.43)	(1.25)	(2.74)	(6.51)	(8.34)	48.64			
VNM	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	2.02	0.00	6.90	2.81	5.02	1.49	0.00	91.21			
FTSE	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	0.00	0.00	1.37	0.00	0.00	(6.16)	0.00	58.22			
iShare	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	0.00	(16.90)	(10.62)	5.45	0.00	6.94	0.00	44.56			
ETF nội	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	(9.77)	(1.73)	(3.27)	0.57	(1.61)	8.29	(0.16)	3.05			
Diamond	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	(1.43)	(0.10)	(1.97)	(0.11)	(0.32)	3.31	-	3.12			
E1	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	(7.35)	(1.63)	(1.08)	0.68	0.43	5.77	-	1.98			
Finlead	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	(0.99)	-	(0.22)	-	(1.72)	(0.79)	(0.16)	(2.05)			

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tư doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
E1VFN30	18,857,700	399.44	GMD	4,030,900	-233.27	HPG	10,612,540	293.01	SSI	9,661,823	-276.48	SSI	16,499,930	468.88	VIC	6,554,534	-432.41
FUEVFN30	9,217,400	240.97	VPB	10,477,519	-231.94	VIC	4,117,335	271.00	GMD	4,262,163	-246.74	ACB	15,906,140	371.61	HPG	7,563,820	-209.19
HSG	3,499,800	66.65	ACB	7,749,907	181.64	VNM	2,919,983	215.33	VRE	4,811,601	-148.12	VPB	15,988,033	350.42	CTG	5,894,518	-190.92
GEX	2,300,700	51.40	SGN	2,332,300	-176.06	MSN	2,188,359	196.55	VHM	2,371,850	-144.54	NVL	12,151,832	245.98	MSN	1,968,232	-177.53
SSI	1,470,789	40.56	NLG	3,105,800	-124.10	CTG	5,895,336	189.40	VPB	6,598,300	-144.07	VCB	1,722,966	154.61	SSB	5,513,366	-166.18
NVL	1,579,633	32.48	VIB	5,802,929	-112.20	STB	5,489,400	167.75	FUEVFN30	4,319,300	-112.83	VHM	2,282,546	138.89	VNM	1,816,681	-134.21
VIC	369,978	24.44	STB	3,828,025	-116.67	MWG	2,828,245	150.34	VCB	1,227,169	-110.21	VCI	2,818,100	119.96	GEX	5,377,431	-115.76
VRE	727,900	22.52	VNM	1,337,756	-100.28	SGN	1,302,400	98.34	VND	5,019,007	-101.62	VND	4,750,989	96.30	HSG	4,550,117	-87.49
DBC	750,000	19.79	MSN	984,564	-85.03	DCM	1,322,230	44.07	NLG	2,456,650	-97.69	HDG	2,657,616	84.36	MWG	1,422,588	-74.93
FRT	261,500	19.70	MBB	3,910,271	-74.95	HSG	2,252,100	43.33	HCM	2,613,200	-77.56	MBB	4,296,102	81.76	MSB	4,126,809	-59.93

HIỆU SUẤT DANH MỤC BSC30, BSC50

Diễn biến BSC30, BSC50:

- **BSC30:** Trong tuần 32, BSC30 **-0.28%**. Các mã diễn biến tích cực: STB (+10.02%), VRE (+7.14%), PVS (+2.04%).
- **BSC50:** Trong tuần 32, BSC30 **-2.05%**. Các mã diễn biến tích cực: LPB (+7.83%), NVL (+5.56%), HSG (+5.03%).
(Chi tiết danh mục tại trang 16, 17, 18)

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại: [Link](#)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	90.4	2.15%	0.83	21,967.56	3.57	7,311.00	12.36	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	46.7	0.43%	0.97	10,271.00	4.24	4,208.00	11.10	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	22	0.23%	1.15	6,421.33	11.73	3,972.00	5.54	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	33.65	0.45%	1.44	5,145.87	8.58	14,982.00	2.25		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	18.9	0.00%	1.39	4,284.62	7.09	14,982.00	1.26	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	31.85	4.26%	1.28	2,610.61	45.21	4,640.00	6.86	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	21.1	-1.63%	1.10	3,669.57	3.58	4,603.00	4.58	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	32	3.90%	1.62	1,067.97	12.72	4,880.00	6.56	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	47.5	-0.84%	1.78	681.52	6.03			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	46.45	0.22%	1.75	905.47	1.23	1,217.00	38.17		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.7	1.28%	1.00	7,003.02	27.90	1,916.00	14.46	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	60.9	0.50%	0.88	11,529.61	12.66	1,896.00	32.12	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	31	2.33%	1.13	3,037.99	13.97	5,227.00	5.88	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	36.45	4.44%	0.40	1,136.02	5.22	1,576.00	23.13	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	38.7	2.38%	1.62	646.26	4.45	2,557.00	15.13	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	73.3	-1.21%	1.50	1,210.34	17.10	14,120.00	5.19	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	39.9	2.18%	1.22	678.88	6.18	6,793.00	5.87	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	32.9	2.17%	0.80	757.27	5.90	2,625.00	12.53	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	101.5	-0.49%	0.71	8,446.34	1.51	2,292.00	44.28	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	40.65	-0.37%	1.12	2,245.63	2.01	1,340.00	30.34	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	35	0.00%	1.14	727.34	10.63	993.00	35.25	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	25.5	-0.58%	1.41	616.30	4.84	7,698.00	3.31	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.65	-1.09%	1.11	1,389.85	6.30	3,895.00	3.50	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	73.5	0.55%	1.20	6,678.77	6.93	2,605.00	28.21	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	84.5	1.81%	1.22	5,256.79	7.53	3,456.00	24.45	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	53.3	2.50%	1.47	3,389.32	14.37	7,475.00	7.13	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.4	0.51%	0.78	1,132.31	1.97	2,965.00	26.78	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	74.7	-0.80%	1.21	595.58	3.70	12,800.00	5.84	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	55.2	-1.95%	0.63	723.31	2.30	7,059.00	7.82	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	82	-0.24%	0.77	4,527.72	4.08	5,901.00	13.90	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	32.1	1.42%	1.15	6,707.16	9.50	3,636.36	8.83	1.32	27.11%	15.94%
ACB	Ngân hàng	22.9	0.00%	1.05	3,867.16	9.07	3,722.50	6.15	1.41	30.00%	25.16%
HDB	Ngân hàng	17.05	-0.87%	0.86	2,144.26	2.03	2,765.20	6.17	1.27	19.98%	22.26%
LPB	Ngân hàng	18.6	0.00%	1.49	1,398.32	3.66	2,134.86	8.71	1.26	4.02%	15.94%
VIB	Ngân hàng	20.55	-0.48%	1.32	2,266.58	4.32	3,530.69	5.82	1.54	20.50%	28.49%
VND	Chứng khoán	20.05	-0.25%	1.98	1,061.64	21.50	467.00	42.93	1.62	23.72%	3.84%
TPB	Ngân hàng	18.65	0.81%	1.08	1,785.24	4.28	2,696.75	6.92	1.33	28.86%	19.79%
SSI	chứng khoán	28.15	0.18%	1.71	1,834.82	33.45	1,095.87	25.69	1.93		9.08%
CII	Xây dựng	20.95	1.70%	1.90	258.70	8.69	41.84	500.72	1.00	8.96%	0.19%
C4G	Xây dựng	15.2	-0.65%	2.09	222.76	3.56	790.73	19.22	1.39	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	67.4	-1.17%	1.91	218.07	2.33	916.00	73.58	0.61	44.91%	0.82%
HHV	Xây dựng	15.7	-1.26%	1.67	224.82	5.28	939.08	16.72	0.70	4.88%	4.17%
LCG	Xây dựng	14	1.44%	2.13	116.26	4.72	492.27	28.64	1.10	3.15%	3.71%
BCM	KCN	74.1	0.14%	0.89	3,334.50	0.90	387.59	191.18	4.50	2.72%	3.15%
HUT	KCN	25.5	2.82%	1.56	386.53	4.52	151.50	168.31	2.28	1.94%	1.35%
PHR	KCN	50.7	0.40%	1.45	298.69	0.81	6,556.81	7.73	2.06	15.32%	26.78%
SZC	KCN	37.2	0.27%	1.92	194.09	1.54	1,393.05	26.70	2.75	3.04%	10.78%
HSG	Vật liệu	19.85	5.59%	2.10	531.62	21.04	(2,105.11)		1.18	20.05%	-11.74%
HT1	Vật liệu	16.35	-0.30%	1.51	271.26	1.07	166.19	98.38	1.27	3.54%	1.25%
NKG	Vật liệu	19.5	2.63%	2.25	223.21	8.38	(2,874.87)		0.95	10.57%	-13.12%
PTB	Vật liệu	54.6	1.30%	1.11	158.91	1.68	5,293.42	10.31	1.38	17.08%	13.69%
KSB	Vật liệu	31	1.64%	1.71	102.83	3.22	1,291.45	24.00	1.19	3.32%	4.99%
NVL	BĐS	20.9	1.46%	1.05	1,772.05	35.38	(99.65)		1.10	3.92%	-0.53%
DXG	BĐS	20.25	6.86%	2.33	537.09	30.84	(208.65)		1.33	19.11%	-1.38%
HDC	BĐS	36.9	2.36%	1.56	216.76	8.94	2,189.16	16.86	2.70	2.09%	17.18%
DIG	BĐS	26.5	2.91%	2.56	702.66	25.97	138.35	191.54	2.12	5.82%	1.11%
IJC	BĐS	16.45	0.61%	2.05	180.11	2.27	1,491.22	11.03	1.12	6.16%	10.20%
BSR	Dầu khí	20.8	0.00%	1.43	2,803.93	9.96	4,750.00	4.38	1.26	0.41%	33.16%
PVT	Dầu khí	23.35	0.21%	1.16	328.58	2.58	3,018.12	7.74	1.11	13.92%	15.91%
PLC	Săm lốp	38.1	-0.78%	1.75	133.84	0.46	1,202.11	31.69	2.42	1.25%	7.56%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	23.4	1.08%	1.24	120.86	0.60	1,970.51	11.88	1.60	11.20%	13.40%
REE	Tiện ích	63.2	0.48%	0.77	1,123.05	2.38	6,451.92	9.80	1.58	49.00%	14.90%
GEX	Tiện ích	22.4	1.59%	1.99	829.28	15.31	371.99	60.22	1.56	11.98%	2.55%
NT2	Tiện ích	29.7	0.34%	0.74	371.74	0.88	2,473.17	12.01	1.83	15.44%	15.62%
HDG	Tiện ích	31.1	-2.05%	1.69	413.44	3.05	2,687.22	11.57	1.68	24.75%	15.68%
PC1	Tiện ích	28	-1.41%	1.32	329.22	3.62	925.91	30.24	1.50	5.61%	5.06%
GEG	Tiện ích	15.4	-2.22%	1.10	228.49	0.95	845.25	18.22	1.42	45.88%	5.20%
BCG	Dầu khí	11.5	0.88%	2.20	266.73	8.63	(78.13)		0.91	2.22%	-0.60%
SAB	Bán lẻ	159.5	-0.68%	0.16	4,447.15	1.30	6,863.00	23.24	4.23	62.28%	19.12%
QNS	Bán lẻ	48	-4.19%	0.54	744.92	7.34	4,226.00	11.36	1.94	16.31%	17.50%
FRT	Bán lẻ	75	1.35%	1.51	444.27	4.56	(327.61)		5.92	33.06%	-2.51%
DGW	Bán lẻ	53.6	-1.65%	1.95	389.35	7.86	3,066.11	17.48	3.45	23.73%	21.73%
DBC	Bán lẻ	26	1.55%	2.04	276.20	8.88	(48.07)		1.37	6.01%	-0.25%
PET	Bán lẻ	27	-1.82%	2.28	125.29	0.77	842.92	32.03			3.68%
BAF	Bán lẻ	21.75	-3.97%		135.72	3.63	1,206.10	18.03	1.64	0.07%	9.96%
ANV	Thủy sản	35.3	-2.75%	1.59	204.32	4.35	2,092.00	16.87	1.58	3.94%	9.29%
VSC	Logistics	34.35	-2.41%	0.49	181.11	2.27	1,478.86	23.23	1.48	3.18%	6.42%
HAH	Logistics	32.9	-0.60%	1.17	150.94	2.23	5,358.31	6.14	1.41	4.88%	25.48%
CTR	Công nghệ	73	0.00%	1.43	363.05	0.69	4,223.34	17.28	4.99	9.79%	31.94%
TNG	Dệt may	19.8	-1.00%	1.70	97.73	1.22	2,384.30	8.30	1.26	25.03%	17.18%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

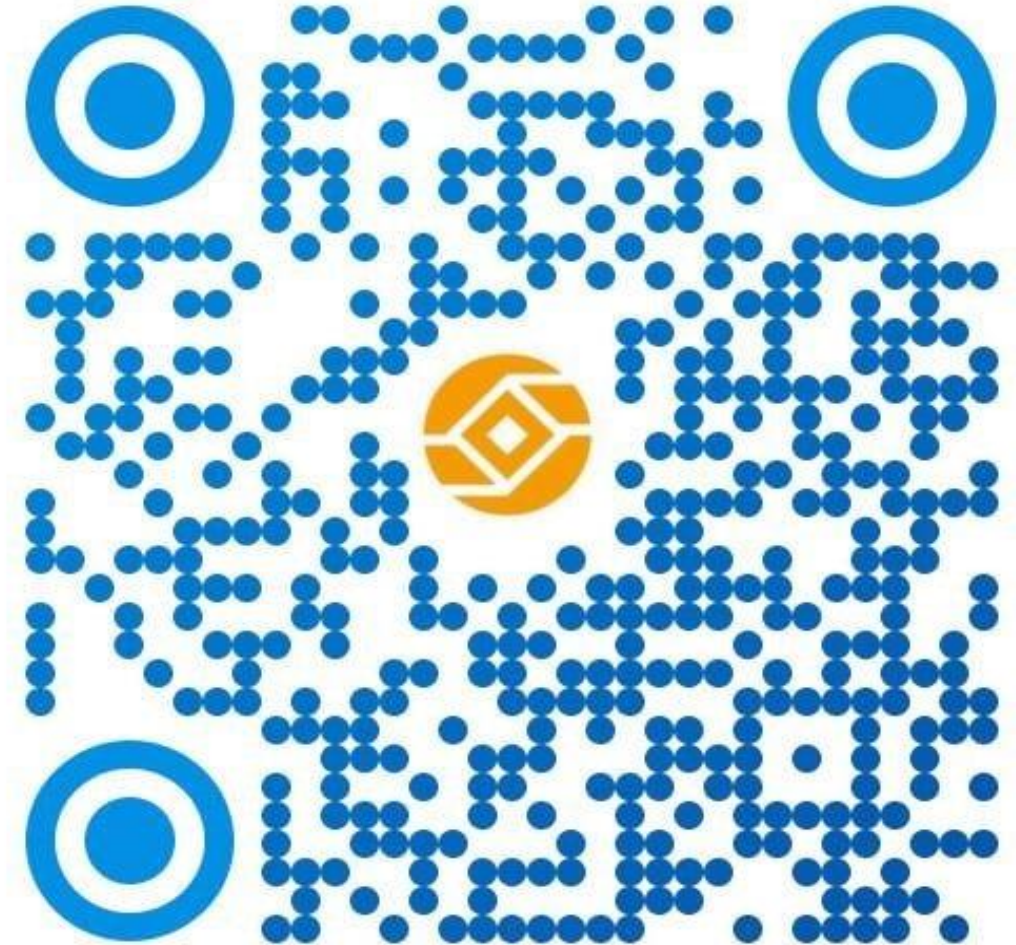
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký